

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 26 - 7 - 2018
V/v: Tranh chấp quyền sở hữu
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Ông Nguyễn Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2017/TLST-DS ngày 06/11/2017 về "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST - DS, ngày 31/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST - DS, ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm C, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1966; Cư trú cùng địa chỉ: Thôn Phở T, xã Nghĩa A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ L, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Kiều V, sinh năm 1980; Cư trú cùng địa chỉ: Thôn Phở T, xã Nghĩa A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2018, biên bản đối chất ngày 26/12/2017, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T cùng thống nhất trình bày:*

Năm 2013, vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Võ L, bà Trần Thị Kiều V có góp chung vốn mua hai chiếc tàu của vợ chồng ông Võ Thái K, bà Phan Thị H với giá 3.200.000.000 đồng để cùng đi đánh bắt hải sản trên biển. Sau khi mua tàu về hai bên tiến hành sửa chữa hết 800.000.000 đồng, tổng cộng tiền mua và sửa chữa là 04 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn là ngang nhau mỗi bên 2 (hai) tỷ đồng. Đôi tàu mua có số hiệu: QNg 97027TS (gọi là chiếc tới) và QNg 97245TS (gọi là chiếc lui).

Khi đăng ký sang tên quyền sở hữu, vợ chồng ông bà thống nhất để vợ chồng ông L, bà V đứng tên trên Hợp đồng mua bán, đứng tên đăng ký chủ sở hữu tàu, đứng tên trên các giao dịch bảo hiểm, thế chấp vay vốn. Trong quá trình làm ăn, hai bên cùng ghi sổ tính toán phân chia lợi nhuận tỷ lệ bằng nhau, không có tranh chấp xảy ra. Khi mua xong, hai chiếc tàu này được thế chấp tại Ngân hàng N – chi nhánh Quảng Ngãi vay số tiền 1.800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4463/13/KHTN.QNg vào ngày 03/12/2013.

Ngày 27/01/2016, khi đánh bắt cá tại vùng biển Quảng Ngãi thì chiếc tàu mang số hiệu QNg 97027TS bị mắc cạn, toàn bộ tài sản, giấy tờ và ngư lưới cụ trên tàu đều bị đắm chìm và mất tất cả, còn lại chiếc lui mang số hiệu QNg97245TS đưa về bán cho ông Võ Văn M, ông Võ Thanh N ở xã Phô T, huyện Đức P với giá 970.000.000 đồng, số tiền này trả cho Ngân hàng N – chi nhánh Quảng Ngãi 600.000.000 đồng, còn 370.000.000 đồng hai bên chia đôi theo tỷ lệ vốn góp, vợ chồng ông bà nhận 185.000.000 đồng, vợ chồng ông L, bà V nhận 185.000.000 đồng.

Chiếc tàu số hiệu QNg 97027TS khi mắc cạn bị hư hỏng, do có mua bảo hiểm nên được bồi thường. Vì ông Võ L là người đứng tên trên giấy tờ kê khai bảo hiểm, nên ngày 19/01/2017 Tổng Công ty M có Thông báo số C0247768 bồi thường số tiền 2.478.578.000 đồng, số tiền này chuyển vào tài khoản của ông Võ L mở tại Ngân hàng N – chi nhánh Quảng Ngãi. Do chiếc tàu số hiệu QNg 97027TS là tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng N – chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng số 4463/13/KHTN.QNg ngày 03/12/2013. Sau khi số tiền bồi thường chuyển về tài khoản của ông Võ L thì Ngân hàng đã trừ nợ tiền vay là 1.214.889.302 đồng, còn lại số tiền 1.261.000.000 đồng vợ chồng ông L, bà V chiếm giữ tất cả không chia lại cho vợ chồng ông, bà.

Số tiền bảo hiểm bồi thường còn lại 1.261.000.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông bà và vợ chồng ông L, bà V. Vợ chồng ông L tự rút 216.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân, còn 1.000.000.000 đồng gửi tiết kiệm lãi được 3.344.444 đồng. Do đó, số tiền 1.264.344.444 đồng thuộc sở hữu chung của hai bên, vì vậy yêu cầu Tòa buộc vợ chồng ông L, bà V phải trả lại cho nguyên đơn 632.172.222 đồng.

** Theo biên bản lấy lời khai các ngày 23/11/2017, 29/11/2017, biên bản đối chất ngày 26/12/2017, bị đơn ông Võ L trình bày:*

Khoảng tháng 10/2013 vợ chồng ông mua của vợ chồng ông Võ Thái K; địa chỉ: Xã Nghĩa A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi 02 chiếc tàu cá; chiếc có công suất 420CV giá 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng); còn chiếc có công suất 380CV giá bao nhiêu ông không nhớ giá bao nhiêu vì quá lâu, hợp đồng mua chiếc có công suất 380CV đã thất lạc. Nguồn tiền mua 02 chiếc tàu là do ông tích góp và mượn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ ruột ông là ông Võ Quang L, bà Đỗ Thị G để thế chấp tại Ngân hàng N vay 300.000.000 đồng; mượn em gái tên Võ Thị T, sinh năm 1988 số tiền 250.000.000 đồng; mượn ông Đinh Tấn P (không rõ năm sinh) ở thôn Phở T, xã Nghĩa A 500.000.000đ mới trả được 200.000.000 đồng, hiện còn thiếu ông Ph 300.000.000 đồng; mượn bà N ở xã Nghĩa P 300.000.000 đồng, ngoài ra không vay mượn ai khác.

Sau khi mua tàu, việc quản lý, sửa chữa, gọi thợ đi biển, mua tổn (dầu nhớt, nhu yếu phẩm, đồ ăn, nước uống, đá lạnh...) đi biển, mua ngư lưới cụ, bán hải sản đều do vợ chồng ông tự quyết định, không có sự tham gia của bà Đỗ Thị T. Giấy tờ, hóa đơn, sổ sách mua phí tổn, ngư lưới cụ, bán hải sản... do đã tính toán xong nên vợ chồng ông vứt ngoài đường, ông không biết lý do vì sao ông C, bà T có được các giấy tờ, sổ sách này để giao nộp cho Tòa.

Tháng 01/2016, chiếc tàu số hiệu QNg97027TS bị nạn - mắc cạn tại bờ biển xã Phở V, huyện Đức P và hư hỏng thiệt hại toàn bộ. Trong thời gian làm thủ tục yêu cầu bảo hiểm bồi thường, ông bán chiếc tàu nhỏ còn lại số hiệu QNg97245TS cho một người đàn ông ở xã Phở T, huyện Đức P để trả nợ cho Ngân hàng N - chi nhánh Quảng Ngãi 600.000.000 đồng.

Việc Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T làm đơn khởi kiện đòi chia số tiền bảo hiểm bồi thường chiếc tàu số hiệu QNg97027TS sau khi trừ đi số tiền đã trả cho Ngân hàng là không đúng, vì đây là tài sản của vợ chồng ông mua, không có việc góp vốn của vợ chồng ông C, bà T, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T.

** Theo biên bản lấy lời khai các ngày 26/12/2017, 24/4/2018, biên bản đối chất ngày 26/12/2017, bị đơn bà Trần Thị Kiều V trình bày:*

Vợ chồng bà có góp vốn với vợ chồng ông Phạm C, bà Đỗ Thị T để mua hai chiếc tàu cá của vợ chồng ông Võ Thái K, bà Phan Thị H. Đôi tàu mua có số hiệu QNg 97027TS (gọi là chiếc tới) và QNg97245TS (gọi là chiếc lui), tỉ lệ góp vốn là ngang nhau. Trong thời gian làm ăn, do không may mắn nên chiếc tàu số hiệu QNg 97027TS bị mắc cạn hư hỏng toàn bộ, được Công ty bảo hiểm M bồi thường số tiền 2.478.578.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông Võ L tại Ngân hàng N – chi nhánh Quảng Ngãi. Tàu cá số hiệu QNg 97027TS là tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng N – chi nhánh Quảng Ngãi, nên sau khi số tiền bồi thường chuyển về Ngân hàng thì Ngân hàng đã trừ nợ tiền vay là 1.214.899.302 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 03/12/2013. Số tiền bồi thường còn lại chồng bà rút tiền mặt 1.261.000.000 đồng và ông L đưa cho bà là 1.000.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N chi nhánh Quảng Ngãi. Sau đó vợ chồng bà có bàn bạc với ông Phạm C, bà Đỗ Thị T về việc chia số tiền bồi thường còn lại này, cụ thể phải chịu chi phí nước non để lo thủ tục bảo hiểm bồi thường, còn lại bao nhiêu thì chia đôi nhưng ông C, bà T không đồng ý chịu chi phí nước non mà yêu cầu chia đôi số tiền còn lại, hai bên không thống nhất nên ông C, bà T gửi đơn đến Ngân hàng N chi nhánh Quảng Ngãi không cho bà rút số tiền 1.000.000.000 đồng trên, vì vậy bà làm thủ tục ủy quyền cho ông Phạm T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn Phở T, xã Nghĩa A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi liên hệ với Ngân hàng để rút toàn bộ số tiền 1.000.000.000 đồng trên giúp bà. Hiện nay vợ chồng ông bà rất khó khăn, không còn tiền để trả lại cho Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T, nếu vợ chồng bà T đồng ý thì vợ chồng bà sẽ trả cho vợ chồng bà T 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Các giấy tờ mua tồn đi biển, mua ngư lưới cụ, bán hải sản mà nguyên đơn nộp cho Tòa đúng là chữ viết của bà, khi mua bán bà giao các giấy tờ sổ sách cho bà T giữ. Bà thừa nhận có việc phân chia lợi nhuận đều nhau giữa chồng bà và vợ chồng Chín, Thìn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng quá trình thụ lý, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết Tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật; thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đúng quy định Điều 203 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Võ L, bà Trần Thị Kiều V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Mặc dù hợp đồng mua bán tàu QNg 97027TS và QNg 97245TS năm 2013, hợp đồng bảo hiểm tàu cá, hợp đồng thế chấp tài sản để vay Ngân hàng đều do vợ chồng ông L, bà V xác lập, không có tên vợ chồng ông C, bà T. Ông Võ L không thừa nhận phía nguyên đơn có hùn vốn mua hai chiếc tàu nói trên và ông cũng cho rằng giữa ông và nguyên đơn không vay mượn gì với nhau. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất ông L đồng ý trả cho nguyên đơn 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, còn bà V vợ ông L thừa nhận nguyên đơn có góp vốn mua tàu với vợ chồng bà, mỗi bên góp $\frac{1}{2}$ giá trị, việc quản lý, khai thác tàu, phân chia lợi nhuận đều do hai bên bàn bạc thống nhất thực hiện, cùng tính toán ghi sổ, sổ ghi chép do nguyên đơn giữ, bà thừa nhận tổng số tiền bảo hiểm bồi thường, số tiền trả nợ Ngân hàng và số tiền còn lại đúng như nguyên đơn trình bày nhưng hiện nay số tiền trên không còn, nên vợ chồng bà không có tiền để trả lại cho vợ chồng ông C, bà T theo như nội dung đơn khởi kiện của ông C, bà T, bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông C, bà T 150.000.000 đồng. Lời khai của bà V phù hợp với lời khai của những người làm chứng như: Vợ chồng ông K, bà H là người bán tàu cho nguyên đơn, bị đơn; các ông Võ Văn M, Võ Thanh N quê ở xã Phổ T, huyện Đức P là người mua chiếc tàu số QNg97245TS; các ông Phạm Văn Th, Trần Gia Kh, Nguyễn Quốc C là những người làm công trên hai chiếc tàu khi đánh bắt hải sản trên biển; các bà Phan Thị O, Lê Thị K là những người thu mua hải sản khi tàu cập bến; bà Đỗ Thị T là người bán nhu yếu phẩm để chuẩn bị đi biển; phù hợp với các tài liệu, sổ sách ghi chép quá trình mua sắm và phân chia lợi nhuận (Bút lục 177 đến 282).

Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T cùng ông Võ L, bà Trần Thị Kiều V mua hai chiếc tàu của vợ chồng ông Võ Thái K, bà Phan Thị H vào năm 2013 với tỷ lệ góp vốn ngang nhau, nên hai chiếc tàu nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông C, bà T và vợ chồng ông L, bà V. Do đó, đối với chiếc tàu QNg97245TS đã bán xong và chia các bên không có tranh chấp nên không xem xét, còn chiếc QNg97027TS bị mắc cạn, hư hỏng toàn bộ và được Tổng Công ty M - chi nhánh Quảng Ngãi bồi thường số tiền 2.478.578.000 đồng, số tiền trên đã trả nợ tiền vay Ngân hàng N - chi nhánh Quảng Ngãi 1.214.899.302 đồng, số tiền còn lại 1.261.000.000 đồng là tài sản chung của nguyên, bị đơn. Ngày 21/02/2017, ông Võ L rút toàn bộ số tiền trên, cùng ngày ông gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng do bà V đứng tên, số tiền này vào ngày 21/3/2017 ông Phạm T là người được bà V ủy

quyền rút 1.003.344.444 đồng (Trong đó: 1.000.000.000 đồng tiền gốc gửi tiết kiệm, còn 3.344.444 đồng lãi gửi tiết kiệm). Như vậy, tổng số tiền còn lại sau khi đã trả nợ Ngân hàng mà vợ chồng ông L đang chiếm giữ là 1.264.344.444 đồng, đây là tài sản chung của nguyên bị đơn, mỗi bên được sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Số tiền trên hiện nay bị đơn đang giữ, vì vậy nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả cho nguyên đơn 632.172.222 đồng (1.264.344.444 đồng/2) là có căn cứ cần được chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 29.286.889 đồng (20.000.000 đồng + 4% x 232.172.222 đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện cho nguyên đơn.

[3]. Nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 115, 166, 209, 274, khoản 4 Điều 275, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T. Buộc ông Võ L, bà Trần Thị Kiều V cùng có nghĩa vụ trả cho Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T 632.172.222đ (Sáu trăm ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Võ L, bà Trần Thị Kiều V phải chịu 29.286.889 (Hai mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu ngàn, tám trăm tám mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T 7.812.500đ (Bảy triệu, tám trăm mười hai ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên

lai thu số AA/2016/0001777 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo và thi hành án:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng